

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MSVN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MSVN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MSVN INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MS VIET NAM ., JSC.

2. Mã số doanh nghiệp: 0108631586

3. Ngày thành lập: 04/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4, ngõ 249 chùa bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0853258245

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica	0899
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
3.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
4.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
5.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
6.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
7.	Xây dựng công trình điện	4221
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
10.	Phá dỡ	4311
11.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa	4610
15.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)	4620

16.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
17.	Bán buôn thực phẩm	4632
18.	Bán buôn đồ uống	4633
19.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
20.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
23.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
24.	Sản xuất đường	1072
25.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
26.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
27.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
28.	Sản xuất chè	1076
29.	Sản xuất cà phê	1077
30.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo;	1079
31.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
32.	Sản xuất than cốc	1910
33.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
34.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
35.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
36.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
38.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
39.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
40.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
41.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
42.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
46.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
49.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669(Chính)
50.	Bán buôn tổng hợp	4690
51.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
52.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
55.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
56.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
57.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
58.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
59.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
60.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
61.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
62.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
63.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
64.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
65.	Đúc sắt, thép	2431
66.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
67.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
68.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

69.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
71.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
72.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
73.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
74.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
76.	Cơ sở lưu trú khác	5590
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
78.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
79.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
80.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
81.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
82.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
83.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
84.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
85.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
86.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
87.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
88.	Cho thuê xe có động cơ	7710
89.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
90.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
92.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
93.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
94.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
95.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
96.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
97.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
98.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
99.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812

100.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
101.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
102.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
103.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
104.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
105.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
106.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
107.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
108.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
109.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
110.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
111.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
112.	Sản xuất máy luyện kim	2823
113.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
114.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
115.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
116.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
117.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
118.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
119.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
120.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
121.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
122.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
123.	Sản xuất điện Chi tiết: Thủy điện; Nhiệt điện than; Nhiệt điện khí; Điện hạt nhân; Điện gió; Điện mặt trời; Điện khác	3511
124.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
125.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
126.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
127.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
128.	Thu gom rác thải độc hại	3812
129.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
130.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
131.	Tái chế phế liệu	3830
132.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
133.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

134.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
135.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
136.	Xây dựng nhà để ở	4101
137.	Xây dựng nhà không để ở	4102
138.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
139.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
140.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
141.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
142.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
143.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
144.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
145.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
146.	Thu nhật lâm sản khác trừ gỗ	0232
147.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
148.	Khai thác thuỷ sản biển	0311
149.	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312
150.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
151.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322

6. Vốn điều lệ: 6.186.000.000 VNĐ

Sáu tỉ một trăm tám mươi sáu triệu đồng

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN HIỀN	Số 7 Ngõ 151 phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	26.300	263.000.000	4,500	033075000020	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	26.300	263.000.000	4,500		
2	ĐẶNG THU HƯƠNG	CH 415 Nhà A12 TT Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	566.000	5.660.000.000	91,000	033182005677	
			Tổng số	566.000	5.660.000.000	91,000		
3	ĐẶNG NGỌC HẢI	Thôn Bắc Cả, Xã Đa Lộc, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	26.300	263.000.000	4,500	1457400724	
			Tổng số	26.300	263.000.000	4,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HIỀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/12/1975

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 033075000020

Ngày cấp: 03/04/2013

Nơi cấp: *Cục CS QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 7 Ngõ 151 phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 7 Ngõ 151 phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội